

Số: 01/DBTHANG - 2022

Quảng Bình, ngày 01 tháng 01 năm 2022

## BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 01 NĂM 2022

### I. TÓM TẮT THỜI TIẾT VÀ THỦY VĂN THÁNG 12 NĂM 2021

#### 1. Tình hình thời tiết tháng 12 năm 2021:

*Tháng qua*, khu vực Quảng Bình chịu ảnh hưởng của rìa tây nam cao lạnh định sau suy yếu, và được tăng cường mạnh trong ngày 02-03/12, 17-18/12 và ngày 27-28/12 tăng cường lệch đông trong các ngày 04-05/12, 12-13/12, và ngày 30-31/12.

**Thời tiết:** Những ngày không khí lạnh tăng cường nên có mưa, có nơi mưa vừa; Gió Đông bắc cấp 3 - 4, vùng ven biển cấp 4- 5. Riêng ngày 19/12 kết hợp hoàn lưu bão số 9 nên có gió mạnh cấp 3-4, vùng ven biển cấp 4-5, giật cấp 6. Những ngày còn lại có mưa, mưa rào vài nơi, ngày nắng và nắng gián đoạn, gió cấp 2 - 3. Trong tháng từ ngày 01-26/12 đêm và sáng trời rét, từ ngày 27-31/12 trời rét, trong đó từ ngày 02-08/12 vùng núi có rét đậm đến rét hại về đêm và sáng.

#### Thời tiết nguy hiểm:

Trong tháng có cơn bão số 9 hoạt động trên Biển đông nhưng không ảnh hưởng đến Quảng Bình.

**1.1. Tình hình mưa:** Trong tháng có 14 - 22 ngày mưa. Tổng lượng mưa phổ biến từ 63 - 150mm; xấp xỉ và cao hơn TBNN một ít. Trong đó Kiến Giang, Lệ Thủy phổ biến từ 183-196mm cao hơn nhiều so với TBNN từ 155-163mm.

**1.2. Tình hình nhiệt độ:** Nền nhiệt độ xấp xỉ so với TBNN.

Nhiệt độ TB tháng phổ biến: 18.4 - 19.9°C, thấp hơn từ 0.2 - 0.5°C.

Nhiệt độ cao nhất TB tháng phổ biến từ: 21.4 - 22.4°C.

Nhiệt độ thấp nhất TB tháng phổ biến từ: 16.3 - 18.1°C.

Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối 25.2°C. Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối 11.0°C.

Bảng 1. Đặc trưng các trị số trong tháng

Tên trạm	Ttb (°C)	TBNN (°C)	Txtb (°C)	Tntb (°C)	Tx (°C)	Tn (°C)	Utb (%)	Un (%)	ΣR (mm)	Mưa TBNN (mm)	B/hoi (mm)	Số giờ nắng	Số ngày mưa
Tuyên Hóa	18.4	18.6	21.4	16.3	24.9	11.0	91	50	63.7	84.4	31.8	34	15
Ba Đồn	19.7	19.6	22.4	18.0	25.2	14.6	84	53	106.6	105.3	58.1	46	14
Đồng Hới	19.9	19.9	22.4	18.1	24.3	15.2	83	54	149.2	117.5	78.3	40	15

#### 2. Tình hình thủy văn tháng 12 năm 2021:

##### 2.1. Diễn biến mực nước trên các sông

Trong tháng 12 năm 2021, mực nước trên các sông trong tỉnh chủ yếu biến đổi chậm, riêng ngày 26-27/12 trên thượng nguồn các sông có dao động nhẹ. Trên sông Gianh tại Mai

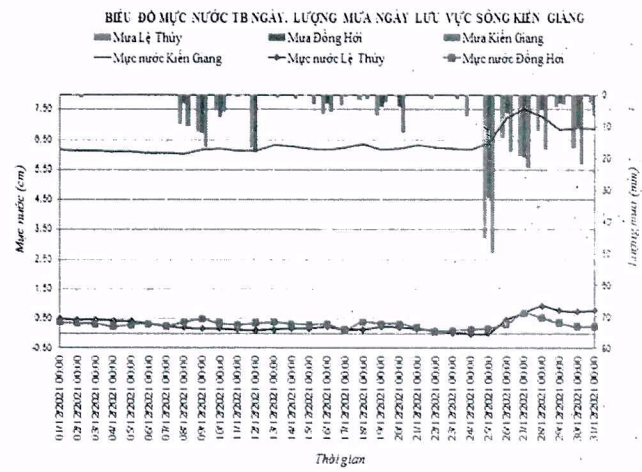
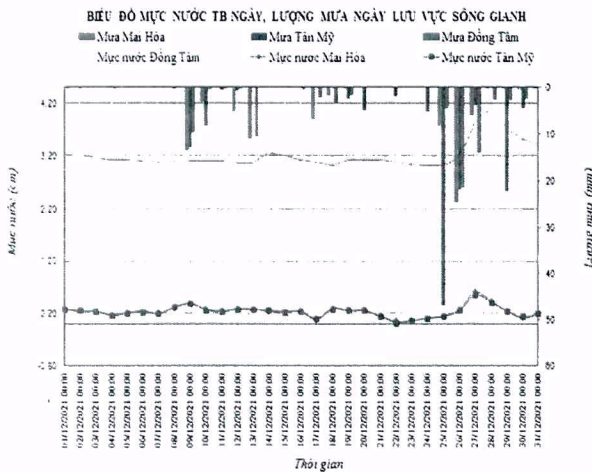
Hóa và hạ lưu các sông ảnh hưởng chế độ thủy triều.

Mức nước trung bình tháng hầu hết các sông cao hơn TBNN, riêng trên sông Kiến Giang tại Lệ Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu các sông thủy triều ảnh hưởng mạnh hơn so với tháng trước.

**Bảng 1. Đặc trưng thủy văn**

Sông	Trạm	Mức nước: H (cm)						Lượng mưa (mm)
		H <sub>tb</sub>	So với TBNN	H <sub>max</sub>	Giờ/ Ngày	H <sub>min</sub>	Giờ/ Ngày	
Rào Nậy	Đồng Tâm	321	+49	446	22h/27	298	11h/23	78.6
Gianh	Mai Hóa	24	+1	119	4h/6	-87	21h/22	82
	Tân Mỹ	24	+19	102	15h/27	-67	19h/22	137
Kiến Giang	Kiến Giang	638	+3	788	15h/27	604	22h/7	196.4
	Lệ Thủy	32	-11	99	23h/27	-5	2h/25	183.6
Nhật Lệ	Đồng Hới	32	+17	111	2h/19	-60	20h/22	134.4



Hình 1: Biểu đồ mức nước và lượng mưa ngày tháng 12 trên các sông

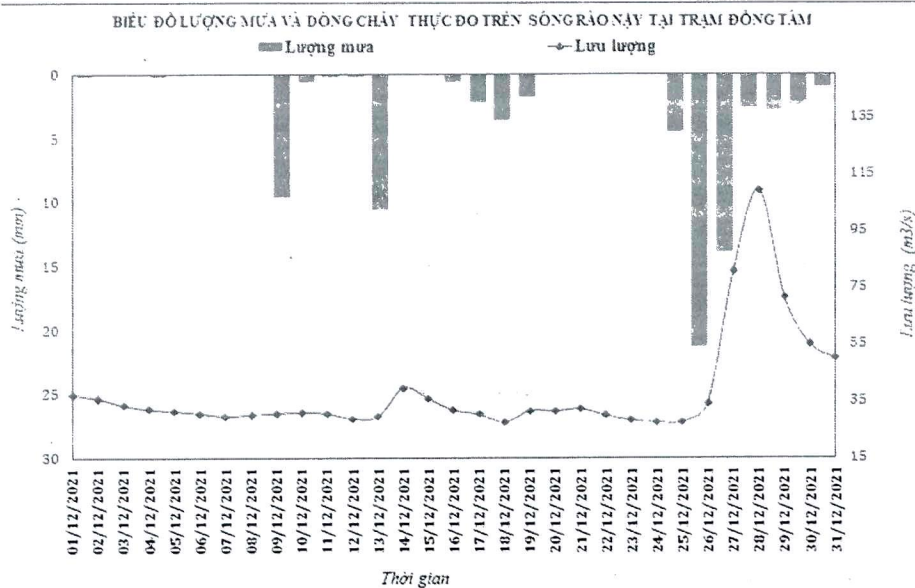
### 1.2. Diễn biến dòng chảy trên các sông.

Trong tháng 12/2021 dòng chảy trên thượng nguồn các sông có dao động nhỏ thời kỳ cuối tháng, phía hạ lưu các sông ảnh hưởng chế độ triều.

Dòng chảy trung bình tháng trên sông Rào Nậy tại Đồng Tâm thấp hơn so với dòng chảy TBNN và đạt 88.6% so với TBNN cùng kỳ.

**Bảng 2. Lưu lượng dòng chảy thực đo**

TT	Sông	Trạm	Q thực đo		Q trung bình	
			Q (m <sup>3</sup> /s)	Giờ-ngày	Q (m <sup>3</sup> /s)	Tỉ lệ so với Q <sub>TBNN</sub> (%)
1	Rào Nậy	Đồng Tâm	44.3	07h/01	34.3	88.6



Hình 2: Biểu đồ lượng mưa ngày và dòng chảy TB ngày trạm Đồng Tâm

## II. DỰ BÁO THỜI TIẾT VÀ THỦY VĂN THÁNG 01 NĂM 2022

### 1. Tình hình thời tiết.

#### 1.1. Xu thế thời tiết trong tháng:

Tháng 01 khu vực Quảng Bình tiếp tục chịu ảnh hưởng của không khí lạnh (KKL) và KKL tăng cường, đây cũng là thời kỳ KKL hoạt động mạnh nhất với tần suất nhiều hơn. Trong tháng có khoảng 4-6 đợt ảnh hưởng đến khu vực, trong đó có khoảng 2-3 đợt rét, vùng núi có rét đậm, rét hại xảy ra vào thời kỳ giữa và cuối tháng. Những ngày ảnh hưởng của KKL suy yếu thời tiết chủ yếu ngày nắng, đêm và sáng sớm có mưa nhỏ và sương mù vài nơi đến rải rác. Trong tháng có khả năng xuất hiện 01 cơn bão hoặc ATNĐ hoạt động trên khu vực phía nam Biển đông và không ảnh hưởng đến tỉnh Quảng Bình.

**Thời kỳ 10 ngày đầu tháng (01-10/01/2022):** Nền nhiệt độ khu vực xấp xỉ và cao hơn TBNN. Lượng mưa xấp xỉ và cao hơn TBNN.

**Thời kỳ 10 ngày giữa tháng (11-20/01/2022):** Nền nhiệt độ khu vực xấp xỉ và thấp hơn TBNN. Lượng mưa xấp xỉ và cao hơn TBNN.

**Thời kỳ 11 ngày cuối tháng (21-31/01/2022):** Nền nhiệt độ khu vực thấp hơn TBNN. Lượng mưa xấp xỉ và cao hơn TBNN.

#### 1.2. Dự báo các đặc trưng tháng:

**Tình hình mưa:** Có khoảng 10 - 15 ngày mưa. Tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ và cao hơn TBNN, đạt từ 40 - 100 mm, có nơi lớn hơn 100mm.

**Nhiệt độ:** Nền nhiệt độ ở mức xấp xỉ so với TBNN.

Nhiệt độ TB: Vùng đồng bằng 18.0 - 20.0°C, vùng núi 17.0 - 19.0°C.

Nhiệt độ cao nhất TB: Vùng đồng bằng 19.0 - 21.0°C, vùng núi 18.0 - 20.0°C.

Nhiệt độ thấp nhất TB: Vùng đồng bằng: 16.0 - 18.0°C. Vùng núi: 14.5 - 16.5°C

Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối 8.0 - 10.0°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối 28.0 - 30.0°C.

#### **Các yếu tố khác:**

Độ ẩm TB: 80 - 90%. Độ ẩm thấp nhất: 50 - 60%. Tổng số giờ nắng: 30 - 70 giờ.  
Tổng lượng bốc hơi: 40 - 80 mm.

Bảng 4. Dự báo nhiệt độ và lượng mưa từng thời kỳ trong tháng 01/2022

STT	Các huyện, thành phố, thị xã	Thời kỳ đầu (từ 01-10/01)		Thời kỳ giữa (từ 11-20/01)		Thời kỳ cuối (từ 21-31/01)	
		Nhiệt độ trung bình	Lượng mưa phổ biến (mm)	Nhiệt độ trung bình	Lượng mưa phổ biến (mm)	Nhiệt độ trung bình	Lượng mưa phổ biến (mm)
1	Tuyên Hóa - Minh Hóa	18.0 - 20.0	20-30	17.0 - 19.0	10-20	16.0 - 18.0	10-25
2	Quảng Trạch - TX Ba Đồn	19.0 - 21.0	30-40	18.0 - 20.0	10-30	17.0 - 19.0	20-30
3	Bồ Trạch	19.0 - 21.0	30-40	18.0 - 20.0	10-30	17.0 - 19.0	20-30
4	Đông Hới - Quảng Ninh	19.0 - 21.0	30-45	18.0 - 20.0	10-30	17.0 - 19.0	20-35
5	Lệ Thủy	19.0 - 21.0	30-45	18.0 - 20.0	10-30	17.0 - 19.0	20-35

## 2. Nhận định tình hình thủy văn.

### 2.1. Nhận định diễn biến mực nước

Trong tháng 01/2022, mực nước trên các sông chủ yếu ít biến đổi và có xu thế hạ thấp dần, trên sông Gianh tại Mai Hóa và phía hạ lưu các sông ảnh hưởng chế độ triều.

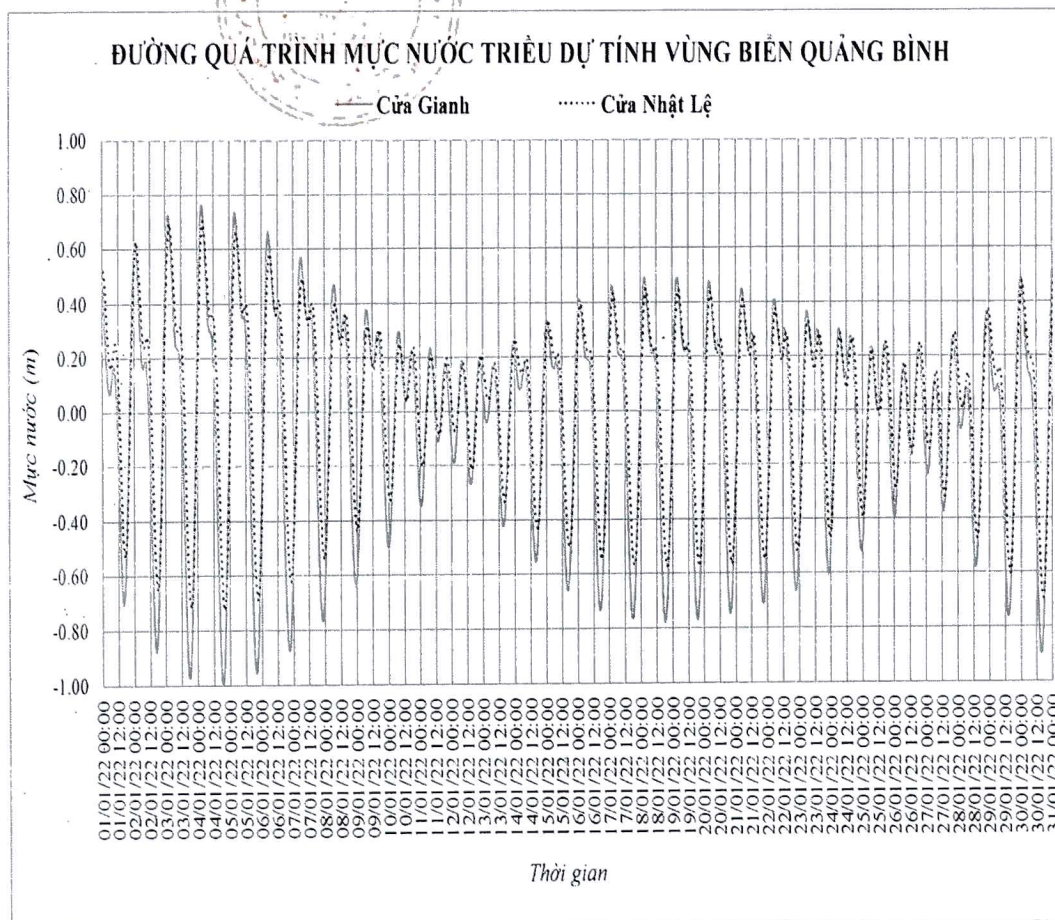
Mực nước trung bình tháng 01/2022 trên các sông có khả năng cao hơn TBNN cùng kỳ.

Bảng 3. Dự báo đặc trưng mực nước tháng 01/2022

TT	Sông	Trạm	Thời gian	H <sub>tb</sub> (cm)	So với TBNN (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)
1	Rào Nậy	Đông Tâm	<b>Tháng 01</b>	<b>305</b>	<b>+63</b>	<b>340</b>	<b>290</b>
			01-10/01	315	+66	340	310
			11-20/01	305	+63	310	300
			21-31/01	295	+58	300	290
	Gianh	Mai Hóa	<b>Tháng 01</b>	<b>13</b>	<b>+4</b>	<b>100</b>	<b>-90</b>
			01-10/01	15	+4	100	-90
			11-20/01	15	+6	90	-85
			21-31/01	10	+2	75	-65
		Tân Mỹ	<b>Tháng 01</b>	<b>15</b>	<b>+20</b>	<b>90</b>	<b>-80</b>
			01-10/01	20	+24	90	-80
			11-20/01	15	+21	75	-60
			21-31/01	10	+16	60	-45

2	Kiến Giang	Kiến Giang	<b>Tháng 01</b>	<b>617</b>	<b>+11</b>	<b>668</b>	<b>595</b>
			01-10/01	630	+17	668	610
			11-20/01	615	+10	620	610
			21-31/01	605	+5	610	595
		Lệ Thủy	<b>Tháng 01</b>	<b>30</b>	<b>+21</b>	<b>70</b>	<b>15</b>
			01-10/01	45	+27	70	40
			11-20/01	25	+17	45	20
			21-31/01	20	+18	25	15
		Đồng Hới	<b>Tháng 01</b>	<b>22</b>	<b>+20</b>	<b>95</b>	<b>-70</b>
			01-10/01	28	+24	95	-70
			11-20/01	22	+20	75	-55
			21-31/01	15	+14	65	-40

Vùng cửa sông có khả năng thủy triều ảnh hưởng mạnh hơn tháng trước. Đỉnh triều cao, chân triều thấp xuất hiện trong khoảng thời gian 3-6/01/2022.



Hình 3: Đường quá trình mực nước triều vùng cửa Gianh và Nhật Lệ tháng 01/2022

## 2.2. Nhận định diễn biến dòng chảy

Tháng 01/2022, dòng chảy trên các sông có khả năng biến đổi chậm và có khả năng hạ thấp dần, phía hạ lưu các sông dòng chảy biến đổi theo chế độ thủy triều.

Dòng chảy trên sông Rào Nậy có khả năng cao hơn so với TBNN cùng kỳ (chi tiết ở bảng 4).

**Bảng 4. Dự báo lưu lượng trung bình trạm Đồng Tâm tháng 12/2021**

Sông	Trạm	Thời gian	Q trung bình (m <sup>3</sup> /s)	Tỷ lệ so với TBNN cùng kỳ (%)
Rào Nậy	Đồng Tâm	<b>Tháng 01</b>	<b>28.5</b>	<b>115</b>
		01-10/01	30.8	116
		11-20/01	28.5	118
		21-31/01	26.3	112

Giải thích dấu trong các bảng: (+) là cao hơn TBNN; (-) là thấp hơn TBNN.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, các huyện;
- Văn phòng BCH PCLB - TKCN
- Các Trạm KTTV trực thuộc;
- Lưu Đài tỉnh.

**GIÁM ĐỐC**



**Ngô Hải Dương**